



Grant Thornton

Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Thành viên	
Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Đức Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ông Phan Ngọc Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên	
Ông Trần Anh Tú	Thành viên	
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ban Kiểm soát	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên	
Ban Giám đốc	Thành viên	
Ông Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017
Ông Phan Ngọc Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 7 năm 2017

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn chính sách kế toán thích hợp cùng với các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;

- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Phan Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018



Báo cáo kiểm toán độc lập

Về các báo cáo tài chính của
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam

T +84 24 3850 1686
F +84 24 3850 1688

Số: 17-11-049-2

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu ("Công ty"), được lập vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên

Số dư khoản phải trả đầu năm và cuối năm

Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội với ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khoản phải trả Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung với số tiền là 71.829 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2017. Do hạn chế về thông tin, chúng tôi

không thể xác định được tính chính xác và hiện hữu của số dư phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 12). Do đó, chúng tôi cũng đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với số dư phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lỗ lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2017, cũng như ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đến tính so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu năm hiện tại.

Số dư các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đầu năm và cuối năm

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền là 130 tỷ VNĐ do không thu thập được hồ sơ liên quan đến kết quả của các hoạt động hợp tác đầu tư này. Do hạn chế về thông tin, chúng tôi cũng không thể thu thập được hồ sơ liên quan đến kết quả hoạt động của các Hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền là 210 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 7). Do đó, chúng tôi cũng đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với giá trị tổn thất, nếu có, của các Hợp đồng hợp tác đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lỗ lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đến tính so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu năm hiện tại.

Số liệu so sánh

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán trong năm. Chúng tôi cũng đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các báo cáo tài chính năm nay do ảnh hưởng có thể có của các vấn đề này đến tính so sánh của số liệu năm hiện tại với các số liệu so sánh.

Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn *Cơ sở ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên*, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Mậu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ với các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 15, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ những năm trước. Tuy nhiên do không thể xác định được ảnh hưởng của sai sót đến từng năm, Công ty đã không điều chỉnh hồi tố vào các báo cáo tài chính của năm trước mà điều chỉnh các sai sót này vào các báo cáo tài chính của năm hiện tại.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc xác định giá trị tổn thất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư, hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán và khoản phải trả Công ty Cổ phần Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung vào ngày 30 tháng 3 năm 2017.



Lê Thế Việt

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0821-2018-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Địch Dũng

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2484-2014-068-1
Kiểm toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ <i>(Phân loại lại)</i>
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	72.777.596.241	220.193.252.134
Tiền và các khoản tương đương tiền		110	257.174.319	171.251.410
Tiền	5	111	257.174.319	171.251.410
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	71.240.789.590	209.455.483.393
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	131	73.251.528.031	104.470.742.508
Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	19.596.160	437.142.400
Phải thu ngắn hạn khác	7	136	10.312.000.000	107.741.882.137
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	137	(12.342.334.601)	(3.957.904.624)
Tái sản thiếu chờ xử lý		139	-	763.620.972
Hàng tồn kho		140	1.236.256.089	10.411.062.469
Hàng tồn kho	9	141	3.761.374.620	10.411.062.469
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	(2.525.118.531)	-
Tài sản ngắn hạn khác		150	43.376.243	155.454.862
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	43.376.243	155.454.862
Tài sản dài hạn		200	259.325.457.337	182.003.449.922
Các khoản phải thu dài hạn		210	210.000.000.000	130.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	7	216	210.000.000.000	130.000.000.000
Tài sản cố định		220	29.325.457.337	32.003.449.922
Tài sản cố định hữu hình	10	221	29.325.457.337	32.003.449.922
- Nguyên giá		222	44.019.729.878	44.019.729.878
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(14.694.272.541)	(12.016.279.956)
Đầu tư tài chính dài hạn		250	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	253	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng tài sản		270	332.103.053.578	402.196.702.056

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	109.821.222.751	162.993.835.500
Nợ ngắn hạn		310	109.821.222.751	159.493.835.500
Phải trả người bán ngắn hạn	12	311	109.171.319.288	130.819.856.324
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	-	300.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	313	312.403.463	826.548.696
Phải trả người lao động		314	37.200.000	34.500.000
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	100.000.000	140.000.000
Phải trả ngắn hạn khác		319	185.000.000	185.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	320	15.300.000	27.187.930.480
Nợ dài hạn			-	3.500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	338	-	3.500.000.000
Vốn chủ sở hữu		400	222.281.830.827	239.202.866.556
Vốn chủ sở hữu	15	410	222.281.830.827	239.202.866.556
Vốn góp của chủ sở hữu	16	411	238.880.000.000	238.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	238.880.000.000	238.880.000.000
(Lỗ) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	(16.598.169.173)	322.866.556
- (Lỗ) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	(5.200.128.591)	5.116.911.024
- Lỗ năm nay		421b	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Tổng nguồn vốn		440	332.103.053.578	402.196.702.056

Hòa Bình, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018



Phan Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành
Kế toán trưởng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	01	135.662.405.586	142.351.665.289
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	135.662.405.586	142.351.665.289
Giá vốn hàng bán	19,22	11	(135.247.670.133)	(139.932.384.991)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	414.735.453	2.419.280.298
Doanh thu hoạt động tài chính		21	22.629	720.553
Chi phí bán hàng	22	25	(132.000.000)	(81.000.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20,22	26	(9.222.550.998)	(4.770.280.624)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh		30	(8.939.792.916)	(2.431.279.773)
Thu nhập khác		31	-	500.227.889
Chi phí khác	21	32	(2.458.247.666)	(2.862.992.584)
Lỗ khác		40	(2.458.247.666)	(2.362.764.695)
Lỗ kế toán trước thuế		50	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	51	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23	52	-	-
Lỗ sau thuế TNDN	15	60	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	17	71	(477)	(201)



Phan Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành
Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ (Trình bày lại)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lỗ trước thuế		01	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao và phân bổ		02	2.677.992.585	2.677.992.584
Các khoản dự phòng		03	10.909.548.508	3.957.904.624
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	(22.629)	(720.553)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
Thay đổi các khoản phải thu		08	2.189.477.882	1.841.132.187
Thay đổi hàng tồn kho		09	49.548.796.205	(60.820.152.989)
Thay đổi các khoản phải trả		10	832.547.469	(639.986.645)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		11	(21.712.290.796)	34.053.674.702
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(100.000.000)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	30.758.530.760	(25.615.332.745)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu hồi cho vay		24	-	3.362.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	22.629	720.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	22.629	3.362.720.553
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay		33	294.300.000	57.289.000.000
Tiền trả nợ gốc vay		34	(30.966.930.480)	(35.150.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			(30.672.630.480)	22.138.500.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			85.922.909	(114.112.192)
Tiền và tương đương tiền đầu năm		5	171.251.410	285.363.602
Tiền và tương đương tiền cuối năm		5	257.174.319	171.251.410



Phan Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành
Kế toán trưởng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu tiền thân là Công ty Cổ phần nhựa Hamico được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700382548, đăng ký lần đầu ngày 3 tháng 8 năm 2009, và các lần sửa đổi sau đó với Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp mới nhất, thay đổi lần thứ 8, ngày 20 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp (sau đây gọi chung là "Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp").

Trụ sở chính của Công ty tại Km15, Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 238.880.000.000 đồng, được chia thành 23.888.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Buôn bán vật liệu trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác, chế biến khoáng sản; và
- Mua bán thực phẩm nông sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 9 nhân viên (31 tháng 12 năm 2016: 9 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND").

3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo là VND được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ, ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

4.8 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.9 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.10 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh vốn do chủ sở hữu đầu tư hiện có và tình hình tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

4.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.14 Lãi/Lỗ trên mỗi cổ phiếu

Lãi/Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi/Lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phụ lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.15 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và công ty mẹ cuối cùng của các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.16 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

4.17 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.18 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.19 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Tiền mặt	253.358.104	167.373.931
Tiền gửi ngân hàng	3.816.215	3.877.479
	257.174.319	171.251.410

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Công ty TNHH Công Bình	20.676.499.000	-
Công ty TNHH XNK nông sản và thức ăn chăn nuôi PPA	32.128.045.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (Thuyết minh 8)	4.577.650.000	4.577.650.000
Các khách hàng khác (Thuyết minh 8)	8.285.389.129	7.808.353.745
	65.667.583.129	12.386.003.745
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh 24)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Bắc	-	2.640.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai	858.730.000	183.330.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long (Thuyết minh 8)	258.560.602	258.560.602
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoà Bình (Thuyết minh 8)	6.466.654.300	6.466.654.300
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	-	82.536.193.861
	7.583.944.902	92.084.738.763
	73.251.528.031	104.470.742.508

7. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn		
Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng (1)	-	2.511.882.137
Tạm ứng cho các bên liên quan (Thuyết minh 24)		
- Ông Lê Hữu Lộc (2)	10.312.000.000	15.200.000.000
- Bà Phạm Thị Hải Yến (3)	-	87.030.000.000
Tạm ứng cho cá nhân khác		
- Ông Nguyễn Đình Trường (4)	-	3.000.000.000
	10.312.000.000	107.741.882.137
Phải thu khác dài hạn		
Phải thu từ các đơn vị khác		
- Công ty TNHH Kim cương Lai Châu (5)	-	21.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Ba Đình (6)	70.000.000.000	70.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển INC (7)	80.000.000.000	-
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 24)		
- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đông Bắc (8)	60.000.000.000	39.000.000.000
	210.000.000.000	130.000.000.000
	220.312.000.000	237.741.882.137

- (1) Phản ánh khoản phải thu tiền cổ tức từ Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng. Trong năm, Công ty đã thu hồi được khoản phải thu này đồng thời hoàn nhập toàn bộ dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập từ các năm trước.



- (2) Phản ánh khoản tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc, thành viên Hội đồng Quản trị, để mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 15/2015/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 17/2015/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, theo đó Công ty tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc số tiền trong hạn mức 30 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng tối đa là 360 ngày kể từ ngày tạm ứng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết HĐQT số 21.12/2017/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2017, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 360 ngày kể từ ngày ký Nghị quyết để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần.
- (3) Phản ánh khoản tạm ứng 80 tỷ đồng cho bà Phạm Thị Hải Yến, nguyên trưởng phòng kinh doanh, để thực hiện mua 8.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo Nghị quyết HĐQT số 15/2015/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 16/2015/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, theo đó tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến số tiền trong hạn mức 80 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng tối đa là 360 ngày kể từ ngày tạm ứng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết HĐQT số 09.12/2016/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết HĐQT số 12.12/2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2016, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 360 ngày kể từ ngày ký Nghị quyết để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần.

Ngoài ra, Công ty còn tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến để mua 100% vốn của Công ty TNHH Bình Minh theo Nghị quyết số 01.04/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 4 năm 2016 với hạn mức 55 tỷ đồng, thời hạn tạm ứng là 18 tháng kể từ ngày tạm ứng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, bà Phạm Thị Hải Yến đã hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng.

- (4) Phản ánh khoản tạm ứng 3 tỷ cho ông Nguyễn Đình Trường để mua 500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Đông Hà theo Nghị quyết HĐQT số 01.06/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 6 năm 2016, thời hạn tạm ứng 12 tháng kể từ ngày tạm ứng, hạn mức tạm ứng là 5 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết HĐQT số 30.05/2017/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2017, thời hạn tạm ứng được gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày ký Nghị quyết để tiếp tục thực hiện việc mua cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Đình Trường đã hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng.

- (5) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2015/HĐHTKD ngày 1 tháng 4 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu và Công ty TNHH Kim cương Lai Châu để thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và khai thác khu đất tại Bản Chang, Xã Lê Lợi, Huyện Nậm Nhùn, Tỉnh Lai Châu tổng số vốn là 60 tỷ đồng. Ngày 28 tháng 3 năm 2016, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 02.2015/TL/KSK, theo đó hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất tất toán hợp đồng số 02/2015/HĐHTKD và không thực hiện phân chia lãi lỗ cho khoản hợp tác đầu tư trên. Theo đó, Công ty TNHH Kim cương Lai Châu sẽ hoàn trả toàn bộ 30 tỷ cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu trong vòng 18 tháng kể từ ngày hai bên ký thanh lý hợp đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH Kim cương Lai Châu đã hoàn trả khoản đầu tư này.
- (6) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 17/2014/HĐHKD ngày 28 tháng 8 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Ba Đình để thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư vào dự án Tổ hợp văn phòng, Dịch vụ thương mại và Nhà ở Thành An Tower của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển VDI Việt Nam, tại số 21 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Tổng số vốn là 140 tỷ đồng, mỗi bên góp 50%, phân chia lợi nhuận 50% - 50%, thời hạn hợp đồng là 3 năm kể từ ngày ký. Tại ngày của báo cáo này, Dự án này đang trong quá trình xây dựng và hai bên đang trong quá trình thương thảo để gia hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh thêm 3 năm.
- (7) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2006/2017/HĐHTKD ngày 20 tháng 6 năm 2017, Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Màu và Công ty CP Phát triển INC thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư vào dự án mở hệ thống nhà hàng của Công ty CP Phát triển INC với tổng số vốn 160 tỷ đồng, mỗi bên góp 50%, phân chia lợi nhuận 50%-50%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư của khoản đầu tư này là 80 tỷ đồng.
- (8) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ngày 15 tháng 1 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Đông Bắc, công ty cùng thành viên quản lý chủ chốt, và Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu, mỗi bên góp 60 tỷ đồng để đầu tư mới hai dây chuyền sản xuất gạch tuynel có công suất 90 triệu viên/năm cùng với một bên thứ ba. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 10 năm tính theo năm dương lịch (12 tháng) bắt đầu từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel này được đầu tư hoàn chỉnh. Từ tháng 2 năm 2017, dây chuyền sản xuất gạch tuynel trên bắt đầu đi vào hoạt động và sản xuất sản phẩm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư của khoản đầu tư này là 60 tỷ đồng.

8. Nợ xấu

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	4.577.650.000	-	4.577.650.000	2.288.825.000	2.288.825.000
Ông Đinh Ngọc Dương	-	-	-	413.138.555	413.138.555
Có tức phải thu Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng	-	-	-	2.511.882.137	1.255.941.068
Công ty Cp Khoáng sản Hoà Bình	6.466.654.300	-	6.466.654.300	6.466.654.300	-
Công ty CPKS và VLXD Hưng Long	258.560.602	129.280.301	129.280.301	258.560.602	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Huyền Thanh	2.337.500.000	1.168.750.000	1.168.750.000	2.337.500.000	-
	13.640.364.902	1.298.030.301	12.342.334.601	16.565.385.594	3.957.904.624

Chi tiết tăng, giảm các khoản dự phòng phải thu trong năm như sau :

	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Số dư đầu năm	3.957.904.624	-
Tăng dự phòng trong năm	10.053.509.601	3.957.904.624
Hoán nhập dự phòng	(1.669.079.624)	-
Số dư cuối năm	12.342.334.601	3.957.904.624

9. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	429.038.458	(429.099.299)	429.038.458	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	3.937.140.381	-
Thành phẩm	885.066.859	(885.072.087)	885.066.859	-
Hàng hóa	2.447.269.303	(1.210.947.145)	5.159.816.771	-
	3.761.374.620	(2.525.118.531)	10.411.062.469	-

Bao gồm trong hàng hóa, thành phẩm và nguyên liệu, vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 1.210.947.145 VND, 885.072.087 VND và 429.099.299 VND (31 tháng 12 năm 2016: không) đã được lập dự phòng toàn bộ cho hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Biến động dự phòng cho hàng tồn kho trong năm như sau:

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng trong năm	2.525.118.531	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	2.525.118.531	-

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
1 tháng 1 năm 2017	30.397.015.153	8.243.231.990	5.379.482.735	44.019.729.878
31 tháng 12 năm 2017	30.397.015.153	8.243.231.990	5.379.482.735	44.019.729.878
Giá trị hao mòn lũy kế				
1 tháng 1 năm 2017	(7.117.072.547)	(2.784.318.310)	(2.114.889.099)	(12.016.279.956)
Khấu hao trong kỳ	(1.509.850.758)	(707.126.694)	(461.015.133)	(2.677.992.585)
31 tháng 12 năm 2017	(8.626.923.305)	(3.491.445.004)	(2.575.904.232)	(14.694.272.541)
Giá trị còn lại				
1 tháng 1 năm 2017	23.279.942.606	5.458.913.680	3.264.593.636	32.003.449.922
31 tháng 12 năm 2017	21.770.091.848	4.751.786.986	2.803.578.503	29.325.457.337

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ vốn		Tỷ lệ vốn	
	Giá gốc	sở hữu	Giá gốc	sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu				
Xây dựng Gia Lai (Thuyết minh 24)	20.000.000.000	11,72	20.000.000.000	11,72

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán là bên thứ ba		
Công ty CP Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền Trung	71.828.983.851	71.828.983.851
Công ty TNHH Bò Công Anh Việt Nam	31.244.781.120	-
Các đối tượng khác	5.845.995.921	111.662.022
	108.919.760.892	71.940.645.873
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 24)		
Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai	242.350	18.422.242.350
Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long	-	13.902.000.000
Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	135.107.200	3.171.907.200
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	116.208.846	23.383.060.901
	251.558.396	58.879.210.451
	109.171.319.288	130.819.856.324

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	312.403.463	826.548.696

14. Vay và nợ thuế tài chính

	31 tháng 12 năm 2017		Trong năm		31 tháng 12 năm 2016	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn						
<i>Vay bên liên quan (1) (Thuyết minh 24)</i>						
Ông Lê Đức Dũng	15.300.000	15.300.000	291.300.000 (12.230.500.000)	11.954.500.000	11.954.500.000	11.954.500.000
Bà Phạm Thị Hải Yến	-	-	-(13.943.000.000)	13.943.000.000	13.943.000.000	13.943.000.000
Ông Trần Kiên Cường	-	-	-(1.290.430.480)	1.290.430.480	1.290.430.480	1.290.430.480
Ông Lại Thế Đình	-	-	3.000.000 (3.000.000)	-	-	-
	15.300.000	15.300.000	294.300.000 (27.466.930.480)	27.187.930.480	27.187.930.480	27.187.930.480
Vay dài hạn						
<i>Vay bên liên quan (2) (Thuyết minh 24)</i>						
Công ty CP Đầu tư Thương mại						
Đông Bắc	-	-	-(3.500.000.000)	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
	15.300.000	15.300.000	294.300.000 (30.966.930.480)	30.687.930.480	30.687.930.480	30.687.930.480

(1) Các khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng vay vốn với thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng. Các khoản vay này đều không có lãi suất và tài sản đảm bảo.

(2) Khoản vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Bắc, cùng thành viên quản lý chủ chốt, theo hợp đồng vay số 20/03/2016/HĐVV/KSK/ĐB ngày 20 tháng 3 năm 2016 cho mục đích xây dựng nhà máy. Khoản vay không chịu lãi suất, không tài sản đảm bảo và có thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày ký. Ngày 20 tháng 9 năm 2016, hai bên ký Phụ lục gia hạn hợp đồng vay số 01/PLGHVV/ĐB/KSK, theo đó, thời hạn vay được gia hạn 2 năm kể từ ngày ký. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

15. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư, 1 tháng 1 năm 2016	238.880.000.000	5.116.911.024	243.996.911.024
Lỗ trong năm	-	(4.794.044.468)	(4.794.044.468)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2016	238.880.000.000	322.866.556	239.202.866.556
Số dư, 1 tháng 1 năm 2017	238.880.000.000	322.866.556	239.202.866.556
Lỗ trong năm	-	(11.398.040.582)	(11.398.040.582)
Điều chỉnh (*)	-	(5.522.995.147)	(5.522.995.147)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2017	238.880.000.000	(16.598.169.173)	222.281.830.827

(*) Trong năm, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ những năm trước (tăng chi phí khấu hao là 3.937 triệu đồng, xóa tài sản không hiện hữu là 1.880 triệu đồng, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả là 414 triệu đồng và xóa khoản trả trước cho nhà cung cấp là 120 triệu đồng). Tuy nhiên do không thể xác định được ảnh hưởng của sai sót đến từng năm, Công ty đã không điều chỉnh hồi tố vào các báo cáo tài chính của các năm trước mà điều chỉnh các sai sót này vào các báo cáo tài chính của năm hiện tại.

16. Vốn cổ phần

Chi tiết góp vốn của các cổ đông như sau:

	Vốn đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017		Vốn đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Bà Phạm Thị Hinh	15.639.000.000	6,55	15.639.000.000	6,55
Các cổ đông khác	223.241.000.000	93,45	223.241.000.000	93,45
	238.880.000.000	100,00	238.880.000.000	100,00

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, vốn cổ phần đăng ký của Công ty là 238.880 triệu đồng, được chia thành 23.880.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Chi tiết vốn cổ phần được phê duyệt và cổ phiếu đã phát hành như sau:

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.888.000	23.888.000
Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.888.000	23.888.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	238.880.000.000	238.880.000.000
+ Vốn tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	238.880.000.000	238.880.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Đơn vị	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	VNĐ	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	Cổ phiếu	23.888.000	23.888.000
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	VNĐ/cổ phiếu	(477)	(201)

Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm được xác định như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu kỳ quy đổi mệnh giá	23.888.000	23.888.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ quy đổi mệnh giá	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành cuối kỳ	23.888.000	23.888.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	23.888.000	23.888.000

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu hàng nông sản	133.590.544.000	-
Doanh thu hàng vật liệu xây dựng, các sản phẩm từ khai khoáng	2.071.861.586	142.351.665.289
	135.662.405.586	142.351.665.289

19. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hàng nông sản	130.230.239.900	-
Giá vốn hàng vật liệu xây dựng, các sản phẩm từ khai khoáng	1.540.763.992	139.932.384.991
Dự phòng hàng tồn kho trích lập thêm trong năm	2.525.118.531	-
Chi phí khấu hao	951.547.710	-
	135.247.670.133	139.932.384.991

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	316.109.090	388.000.000
Chi phí khấu hao	31.818.182	-
Dự phòng phải thu khó đòi	8.384.429.977	3.957.904.624
Chi phí quản lý khác	490.193.749	424.376.000
	9.222.550.998	4.770.280.624

21. Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.694.626.694	2.677.992.584
Xóa sổ tài sản không hiện hữu	763.620.972	185.000.000
	2.458.247.666	2.862.992.584

22. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Chi phí hàng hóa	131.771.003.892	139.932.384.991
Chi phí nhân viên	448.109.090	469.000.000
Khấu hao và phân bổ	983.365.892	-
Chi phí dự phòng	10.909.548.508	3.957.904.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	490.193.749	424.376.000
	144.602.221.131	144.783.665.615

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất thuế TNDN chung trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế TNDN chung là 22% trong các năm 2014 và 2015 và 20% cho các năm tiếp theo.

Lỗ kế toán được đối chiếu về lỗ chịu thuế như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.398.040.582)	(4.794.044.468)
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	2.458.247.666	2.862.992.584
Lỗ chịu thuế	(8.939.792.916)	(1.931.051.884)

Việc tính chi phí thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Lỗ thuế có thể được mang sang để khấu trừ vào các khoản thu nhập chịu thuế của các năm sau trong vòng 5 năm kể từ năm Công ty phát sinh lỗ. Số tiền thực tế của khoản lỗ thuế trên có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả quyết toán thanh tra thuế được thực hiện bởi cơ quan thuế địa phương.

Lỗ chịu thuế ước tính được mang sang để khấu trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau là như sau:

Năm	Tình trạng quyết toán thuế	Lỗ chịu thuế VND	Lỗ đã sử dụng VND	Lỗ mang sang VND	Năm quá hạn
2016	Chưa quyết toán	1.931.051.884	-	1.931.051.884	2022
2017	Chưa quyết toán	8.939.792.916		8.939.792.916	2023
		10.870.844.800		10.870.844.800	

Tài sản thuế hoãn lại tính trên khoản lỗ có thể mang sang các năm tiếp theo không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 12 năm 2017 vì chưa có cơ sở chắc chắn rằng khoản lợi ích trong tương lai của tài sản đó sẽ được thực hiện. Ngoài ra, thuế hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
			VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	-	7.242.413.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	Cổ đông lớn là thành viên chủ chốt của công ty kia	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	18.192.500.000 122.000.000	105.578.358.055 2.883.552.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Gia Lai	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	614.000.000 -	21.113.584.760 30.920.958.500
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa	-	15.820.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa	349.225.404	28.231.862.950
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Bắc	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa, dịch vụ Góp vốn đầu tư Vay ngắn hạn	- 21.000.000.000 -	2.400.000.000 39.000.000.000 3.500.000.000
Công ty Cổ phần Tài nguyên Sài Gòn	Công ty hợp tác kinh doanh năm 2015	Vay ngắn hạn	-	30.000.000.000
Ông Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc cũ	Vay ngắn hạn	291.300.000	16.175.000.000
Bà Phạm Thị Hải Yến	Trưởng phòng kinh doanh	Tạm ứng Vay ngắn hạn	- -	52.030.000.000 7.564.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có số dư với các bên liên quan về phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu khác, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, phải trả người bán ngắn hạn và vay ngắn hạn lần lượt được trình bày tại các thuyết minh số 6, 7, 11, 12 và 14.

25. Thù lao của Ban Giám đốc

Trong năm, thành viên Ban Giám đốc nhận được thù lao như sau:

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VND	VND
Lương và phụ cấp	72.000.000	72.000.000

26. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

Trích lược Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Theo báo cáo trước đây	Phân loại lại	Phân loại lại
	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30.687.930.480	(3.500.000.000)	27.187.930.480
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	3.500.000.000	3.500.000.000

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, theo báo cáo trước đây đã được lập theo phương pháp trực tiếp, đã được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp để phù hợp với cách trình bày của năm nay.

27. Sự kiện sau ngày lập các báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

28. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.



Nguyễn Tiên Thành
Kế toán trưởng

